

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ NỘI VỤ

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

NGUYỄN THỊ MAI ANH

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BÁO CHÍ
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ CÔNG

HÀ NỘI - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ NỘI VỤ

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

NGUYỄN THỊ MAI ANH

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BÁO CHÍ
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Quản lý công
Mã số: 62 34 04 03

LUẬN ÁN TIẾN SỸ QUẢN LÝ CÔNG

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. GS. TS, Nguyễn Hữu Khiển

2. GS. TS, Tạ Ngọc Tấn

HÀ NỘI - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi. Các số liệu dẫn trong luận án là hoàn toàn trung thực. Các kết luận khoa học chưa từng được công bố trong bất cứ công trình khoa học nào.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	9
Chương 1 - TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU.....	15
1.1 Tình hình nghiên cứu trong nước.....	16
1.1.1 Nhóm nghiên cứu lý luận chung về báo chí	16
1.1.2 Nhóm nghiên cứu quản lý nhà nước về báo chí.....	20
1.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước	26
1.2.1 Nhóm nghiên cứu về lý luận báo chí chung trên thế giới	26
1.2.2 Nhóm nghiên cứu quản lý nhà nước về báo chí chung trên thế giới.....	28
1.3 Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu	28
1.3.1 Về lý luận	28
1.3.2 Về thực tiễn	28
Chương 2 - CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BÁO CHÍ	31
2.1 Lý luận chung về báo chí.....	31
2.1.1 Khái niệm, các loại hình báo chí và các thuật ngữ liên quan	31
2.1.2 Vai trò, chức năng của báo chí đối với đời sống xã hội.....	40
2.1.3 Vấn đề về tự do báo chí	41
2.2 Lý luận quản lý nhà nước về báo chí	47
2.2.1 Khái niệm, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quản lý nhà nước về báo chí.....	47
2.2.2 Sự cần thiết quản lý nhà nước về báo chí	53
2.2.3 Yêu cầu và các nguyên tắc quản lý nhà nước về báo chí ở Việt Nam.....	55
2.2.4 Nội dung quản lý nhà nước về báo chí.....	58
2.2.5 Những yếu tố tác động đến quản lý nhà nước về báo chí	60

2.3 Kinh nghiệm một số quốc gia về quản lý báo chí.....	63
2.3.1 Kinh nghiệm một số quốc gia	63
2.3.2 Những vấn đề tham chiếu cho Việt Nam	71
TỔNG KẾT CHƯƠNG 2.....	75
Chương 3 - THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BÁO CHÍ THỜI KỶ ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM	77
3.1 Thực trạng báo chí Việt Nam thời kỳ đổi mới.....	77
3.2 Những quy định trong Hiến pháp năm 2013 liên quan đến báo chí	84
3.3 Thực trạng thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về báo chí.....	87
3.3.1 Hệ thống pháp luật quản lý nhà nước về báo chí.....	87
3.3.2 Tổ chức và hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.....	98
3.3.3 Đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về báo chí.....	120
3.3.4 Công tác kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật	123
3.4 Nguyên nhân và những bài học kinh nghiệm.....	125
3.4.1 Nguyên nhân.....	125
3.4.2 Bài học kinh nghiệm.....	126
TỔNG KẾT CHƯƠNG 3.....	130
Chương 4 - QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BÁO CHÍ.....	132
4.1 Bối cảnh và quan điểm, định hướng hoàn thiện quản lý nhà nước về báo chí	132
4.1.1 Bối cảnh chung	132
4.1.2 Quan điểm và định hướng.....	134
4.2 Các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về báo chí.....	136
4.2.1 Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong quản lý nhà nước về báo chí	136

4.2.2 Nâng cao chất lượng hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.....	143
4.2.3 Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về báo chí	146
4.2.4 Tăng cường các nguồn lực tài chính	147
4.2.5 Tăng cường hợp tác quốc tế.....	148
4.2.6 Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra	150
TỔNG KẾT CHƯƠNG 4.....	153
KẾT LUẬN	155
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ.....	158
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	160
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

BTGTU	Ban Tuyên giáo Trung ương
BNG	Bộ Ngoại giao
BTTVTT	Bộ Thông tin và Truyền thông
CQBC	Cơ quan báo chí
HNB	Hội Nhà báo
LBC	Luật Báo chí
Nxb.	Nhà xuất bản
PLVBC	Pháp luật về báo chí
QLNN	Quản lý nhà nước
STTVTT	Sở Thông tin và Truyền thông
TCTT	Tiếp cận thông tin
TDBC	Tự do báo chí
TDNL	Tự do ngôn luận
TBCN	Tư bản chủ nghĩa
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC HÌNH TRONG LUẬN ÁN

STT	Tên hình	Trang
Hình 3.1	Tổng quan thái độ với internet	72
Hình 3.2	Mục đích sử dụng internet	72
Hình 3.3	Biểu đồ dân số sử dụng các loại hình báo chí ở Việt Nam	73
Hình 3.4	Số người sử dụng internet và tỷ lệ trên tổng số dân ở Việt Nam	74
Hình 3.5	Số nhà báo bị thu thẻ từ năm 1998 đến năm 2014	108
Hình 4.1	Tỷ lệ người sử dụng internet theo mục đích và độ tuổi	126

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Báo chí với vai trò phục vụ chế độ, phục vụ nhân dân, phản ánh mọi mặt đời sống xã hội nên khi xã hội có những bước chuyển đổi sâu sắc thì báo chí cũng có sự chuyển đổi. Báo chí nước ta đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, đồng thời là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, vừa là diễn đàn của nhân dân. Công cuộc đổi mới của đất nước đã được Đại hội VI (năm 1986) của Đảng đề ra và cũng từ đó, báo chí bước vào giai đoạn mới, phản ánh một cách đa chiều với xu thế ủng hộ công cuộc đổi mới. Báo chí đã tích cực tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần vào công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; đấu tranh chống những quan điểm sai trái, thù địch, chống các tiêu cực, tệ nạn xã hội.

Đây cũng là thời kỳ báo chí có bước phát triển nhanh và mạnh mẽ: tăng số lượng các cơ quan báo chí; tăng các loại hình báo chí; tăng ấn phẩm, chương trình; tăng chất lượng nội dung, hình thức, công nghệ in ấn, cách thức truyền tải thông tin; tăng số lượng, phạm vi phát hành, phạm vi phủ sóng; tăng lượng công chúng; tăng số lượng nhà báo; tăng các nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, kỹ thuật... Sự phát triển này đã giúp báo chí nước ta đáp ứng nhu cầu thông tin của công chúng; phát huy được vai trò trong thông tin, tuyên truyền, định hướng tư tưởng, dư luận xã hội, góp phần tích cực vào những thành tựu của công cuộc đổi mới của đất nước, công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước, thể hiện vai trò tiên phong trên mặt trận tư tưởng, văn hóa.

Tuy nhiên, đây cũng là thời kỳ báo chí bộc lộ những hạn chế cần được điều chỉnh, khắc phục, như khuynh hướng báo chí tư nhân; hiện tượng “thương mại hóa” báo chí; báo chí xa rời sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của

Nhà nước, xa rời tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ của mình; thông tin thiếu chính xác; tình trạng vi phạm bản quyền khá phổ biến; hoạt động kinh tế có những vi phạm quy định pháp luật; sự phát triển các CQBC thiếu quy hoạch; một bộ phận người làm báo còn hạn chế về năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp...

Trong giai đoạn hiện nay, tình hình thế giới có những biến động phức tạp, mau lẹ; khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin có những bước phát triển mạnh mẽ, tạo ra những thời cơ, đồng thời cũng tạo ra những thách thức lớn đối với báo chí. Cách thức thu nhận, trao đổi thông tin nhiều chiều và tức thì mang tính toàn cầu qua mạng internet đã tạo ra những ảnh hưởng cả tích cực và tiêu cực đến hoạt động báo chí và QLNN về báo chí. Những năm gần đây, các thế lực thù địch thúc đẩy diễn biến hòa bình, trong đó lợi dụng những tác động, ảnh hưởng của báo chí là một chiêu bài được đẩy mạnh. Đặc biệt, mặt trận tư tưởng mà báo chí là lực lượng đi đầu được xem là ngày càng có vai trò quan trọng đối với đời sống chính trị - xã hội, nhất là đối với báo chí điện tử. Thực tế các cuộc “cách mạng nhung”, “cách mạng sắc màu”, “cách mạng hoa nhài” ở một loạt nước khu vực Trung Đông những năm gần đây đã cho thấy những tác động to lớn và vai trò đặc biệt quan trọng của báo chí đối với đời sống chính trị - xã hội của mỗi quốc gia, thậm chí là các khu vực trên thế giới. Ngày nay, báo chí trở thành mục tiêu quan trọng trong tiến trình tác động đến sự thay đổi của các hệ tư tưởng, các xu hướng chính trị. Thông tin trên báo chí ngày càng thể hiện tính định hướng dư luận. Do vậy, việc lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động báo chí, hoạt động QLNN về báo chí ngày càng phải đáp ứng yêu cầu cao hơn, khó khăn, phức tạp hơn.

Trong khi đó, công tác quản lý chưa thực sự theo kịp. Những sai phạm trong hoạt động báo chí thời gian này cho thấy những hạn chế trong hoạt động QLNN về báo chí. Đó là những hạn chế từ cơ chế, chính sách chưa linh hoạt, đội ngũ cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu, nguồn lực đầu tư còn